

Thành phố Huế, ngày 23 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 108/2019/TLST/HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019, giữa:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương H; sinh năm 1981; địa chỉ: Số 15/128 P, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Bị đơn: Anh Trần Văn T; sinh năm 1966; địa chỉ: Số 15/128 P, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà thành ngày 15 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữ chị Nguyễn Thị Phương H và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương H và anh Trần Văn T công nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Q, sinh ngày 09/9/2002 và Trần Thực A, sinh ngày 18/01/2008. Hai bên thoả thuận: Giao cả hai con là Trần Q và Trần Thực A cho anh Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên; chị H không phải không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2.2. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Phương H và anh Trần Văn T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương H và anh Trần Văn T xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự: Là 150.000 đồng, chị Nguyễn Thị Phương H và anh Trần Văn T mỗi người phải chịu 75.000 đồng, nhưng chị Nguyễn Thị Phương H tự nguyện chịu toàn bộ án phí là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2013/007761 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế; hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Phương H 150.000 đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT.Huế;
 - VKSNDTP.Huế;
 - Chi cục THADS TP Huế;
 - Các đương sự;
 - UBND p.Phước V, Tp.Huế
- (ĐKKH ngày 23/4/2002);
- Lưu hồ sơ;
 - Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh